

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 257 THÁNG 11 NĂM 2018

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 257 tháng 11 năm 2018.

1. Các yếu tố ảnh hưởng đến dòng vốn FDI ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam/ Huỳnh Thế Nguyễn// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 257 tháng 11/2018 .- Tr. 2 – 10

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích các yếu tố tác động đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bài viết sử dụng mô hình Durbin không gian (Spatial Durbin Model - SDM) để phân tích bộ dữ liệu được trích xuất từ niên giám thống kê các tỉnh thành khu vực nghiên cứu. Kết quả cho thấy các tỉnh, thành khu vực này không chỉ tương tác không gian với nhau mà còn cạnh tranh nhau trong việc thu hút FDI. Đồng thời, các yếu tố như quy mô thị trường, chi phí lao động, mức độ quản trị doanh nghiệp, chất lượng kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn FDI tại địa phương và gián tiếp đến vốn FDI của địa phương lân cận.

Từ khóa: FDI; SDM; Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

2. Cải cách dịch vụ hành chính công tại Việt Nam nhìn từ góc độ Marketing dịch vụ/ Trần Minh Đạo// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 257 tháng 11/2018 .- Tr. 11 – 19

Tóm tắt: Dịch vụ hành chính công là một dịch vụ tối quan trọng của bất kỳ quốc gia nào. Chất lượng dịch vụ hành chính công có liên quan trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sớm nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, nhiệm kỳ của Chính phủ Việt Nam giai đoạn 2016-2021 đưa ra chủ thuyết “xây dựng một Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ người dân và doanh nghiệp”. Trên thực tế, từ lâu, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức được vấn đề này. Các Chính phủ tiền nhiệm, đã thực hiện nhiều lần công cuộc đổi mới và cải cách thủ tục hành chính, nhưng sự tiến triển không như mong đợi của người dân và doanh nghiệp. Ngay tại thời điểm hiện nay, để biến chủ thuyết của Chính phủ như trên trở thành hiện thực, Thủ tướng đã thành lập tổ công tác do Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đứng đầu thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương “đơn giản hóa” thủ tục hành chính, nhưng một Chính phủ “kiến tạo, liêm chính, hành động và phục vụ” vẫn chưa thấy “hình hài” rõ nét. Làm gì để cải cách thật sự việc nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công ở Việt Nam hiện nay? Trên cơ sở đánh giá thực trạng cung ứng dịch vụ hành chính công ở Việt Nam hiện nay, khái quát hóa các công trình đã nghiên cứu và các giải pháp đã đề xuất, bài viết này sẽ tập trung vào một hướng tiếp cận mới – tiếp cận từ đặc trưng của marketing dịch vụ hành chính công trong bối cảnh một đảng cộng sản lãnh

đạo và cầm quyền nhằm tăng thêm luận cứ khoa học cho việc quyết tâm thực hiện bằng được những giải pháp đã có và có thể gợi ý những giải pháp hiệu quả hơn, trúng hơn cho việc đổi mới cung cấp dịch vụ hành chính công ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Dịch vụ hành chính công; Marketing dịch vụ hành chính công thể chế; Giải pháp hoàn thiện

3. Quản trị lợi nhuận và tính thông tin của giá cổ phiếu/ Nguyễn Mạnh Toàn, Đặng Tùng Lâm, Phan Thị Đỗ Quyên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 257 tháng 11/2018 .- Tr. 20 – 29

Tóm tắt: Bài báo này nghiên cứu ảnh hưởng của quản trị lợi nhuận đến tính thông tin của giá cổ phiếu. Sử dụng dữ liệu của các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong khoảng thời gian 2007-2017, kết quả nghiên cứu cho thấy quản trị lợi nhuận có quan hệ thuận chiều với tính thông tin của giá cổ phiếu. Kết quả này phù hợp với giả thuyết rằng các nước đang phát triển với môi trường thể chế, môi trường thông tin đang trong quá trình hoàn thiện và việc bảo vệ nhà đầu tư chưa được thực sự hiệu quả, mức độ quản trị lợi nhuận càng lớn thì thông tin được chuyển hóa vào giá cổ phiếu thông qua giao dịch của các đối tượng trong nội bộ công ty càng nhiều. Do vậy, quản trị lợi nhuận sẽ làm tăng tính thông tin của giá cổ phiếu.

Từ khóa: Quản trị lợi nhuận; Tính thông tin của giá cổ phiếu; Tính minh bạch thông tin; Thông tin liên quan đến giá trị

4. Các nhân tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam/ Nguyễn Thu Hằng, Khuru Thành Quý, Nguyễn Ngọc Diệu Lê// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 257 tháng 11/2018 .- Tr. 30 – 39

Tóm tắt: Bài viết sử dụng dữ liệu khảo sát các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của đặc điểm doanh nghiệp và đặc điểm của chủ doanh nghiệp lên tốc độ tăng trưởng. Kết quả chỉ ra rằng quy mô doanh nghiệp có quan hệ ngược chiều với tốc độ tăng trưởng, cho thấy sự không phù hợp của Quy luật Gibrat. Đòn bẩy tài chính, chất lượng lao động, hoạt động đào tạo và hoạt động xuất nhập khẩu góp phần thúc đẩy tăng trưởng, trong khi số năm hoạt động có quan hệ ngược chiều với tốc độ tăng trưởng. Tuổi của chủ doanh nghiệp có quan hệ ngược chiều với tốc độ tăng trưởng. Ngoài ra, giới tính và học vấn cũng ảnh hưởng đến tăng trưởng. Doanh nghiệp được lãnh đạo bởi nữ giới có tốc độ tăng trưởng cao hơn doanh nghiệp được lãnh đạo bởi nam giới. Học vấn của chủ doanh nghiệp cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Đặc điểm doanh nghiệp; Đặc điểm chủ doanh nghiệp; Quy luật Gibrat; Tốc độ tăng trưởng

5. Mối quan hệ giữa cấu trúc sở hữu và rủi ro tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Thương mại Việt Nam/ Nguyễn Tuấn Kiệt, Quách Dương Tử, Huỳnh Tú Phương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 257 tháng 11/2018 .- Tr. 40 – 47

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc sở hữu cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Bài viết sử dụng dữ liệu bảng của 15 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015. Thông qua cách tiếp cận REM và FEM, cùng với kiểm định Hausman, nghiên cứu đã cho thấy yếu tố cổ đông lớn nhất thuộc nhóm biến sở hữu có tác động có ý nghĩa thống kê đến rủi ro tín dụng. Cụ thể, yếu tố này có tác động nghịch chiều, làm giảm rủi ro tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Ngoài ra, các yếu tố thuộc nhóm biến về ngân hàng như quy mô ngân hàng và đòn bẩy kinh doanh có tác động làm tăng rủi ro tín dụng và có ý nghĩa thống kê.

Từ khóa: Cấu trúc sở hữu; Ngân hàng; Rủi ro tín dụng

6. Đa dạng hóa thu nhập và quy mô tổng tài sản tại các Ngân hàng thương mại: Nghiên cứu thực nghiệm tại ASEAN/ Nguyễn Minh Sáng, Thái Thị Thùy Linh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 257 tháng 11/2018 .- Tr. 48 – 57

Tóm tắt: Nghiên cứu này cung cấp kết quả về tác động của quy mô tổng tài sản đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của 5 quốc gia khu vực Đông Nam Á (ASEAN), bao gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam, trong giai đoạn 2005-2015. Bằng việc áp dụng mô hình ước lượng dữ liệu bảng động (GMM) cho dữ liệu bảng, nghiên cứu này đã xác định được mức độ ảnh hưởng của quy mô tổng tài sản cũng như các nhân tố tác động khác như: tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ lãi cận biên, tỷ lệ vốn chủ sở hữu, chu kỳ nền kinh tế và năm khủng hoảng tài chính đến tỷ lệ đa dạng hóa thu nhập trong hệ thống ngân hàng thương mại. Trong đó, biến quy mô tổng tài sản, tỷ lệ nợ xấu, năm khủng hoảng tài chính có tác động tích cực đến tỷ lệ đa dạng hóa thu nhập. Tuy nhiên, biến tỷ lệ lãi cận biên, tỷ lệ vốn chủ sở hữu, chu kỳ nền kinh tế lại cho kết quả tương quan nghịch với tỷ lệ đa dạng hóa thu nhập của các ngân hàng thương mại tại ASEAN.

Từ khóa: ASEAN; Đa dạng hóa thu nhập; Ngân hàng thương mại; Quy mô tổng tài sản

7. Nghiên cứu ảnh hưởng của cảm nhận tham nhũng tới dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên Việt Nam/ Dương Công Doanh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 257 tháng 11/2018 .- Tr. 58 – 67

Tóm tắt: Nghiên cứu kiểm định mối quan hệ giữa cảm nhận tham nhũng, chuẩn chủ quan và dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên Việt Nam. Với dữ liệu thu được từ 289 sinh viên tại các tỉnh Miền Bắc Việt Nam, tác giả sử dụng phương pháp định lượng bao gồm một số công cụ thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích mối quan hệ tương quan, phân tích hồi quy tuyến tính để đánh giá tác động của cảm nhận tham

những tới chuẩn chủ quan và dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng “chuẩn chủ quan” ảnh hưởng mạnh nhất và thuận chiều tới dự định khởi sự kinh doanh. Đáng ngạc nhiên rằng “cảm nhận tham nhũng” cũng có ảnh hưởng mạnh và thuận chiều tới dự định khởi sự kinh doanh sinh viên Việt Nam. Ngoài ra, “cảm nhận tham nhũng” cũng có ảnh hưởng gián tiếp thuận chiều tới “dự định khởi sự kinh doanh” qua biến trung gian “chuẩn chủ quan”.

Từ khóa: Cảm nhận tham nhũng; Dự định khởi sự kinh doanh; Chuẩn chủ quan

8. Mức độ ảnh hưởng của các nhà quản trị đến phân tầng thẻ điểm cân bằng tại Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông/ Lê Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Ngọc Sơn// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 257 tháng 11/2018 .- Tr. 68 – 82

Tóm tắt: Từ tổng quan nghiên cứu ứng dụng mô hình Thẻ điểm cân bằng (BSC), bài viết đã đề xuất mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của các nhóm nhà quản trị đến phân tầng BSC. Kết quả áp dụng mô hình này để đo lường ảnh hưởng của các nhóm nhà quản trị đến phân tầng BSC tại Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) cho thấy nhóm nhà quản trị cấp cao có ảnh hưởng chính yếu đến phân tầng BSC thành công, tiếp theo là nhóm BSC và nhóm nhà quản trị cấp trung. Các kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần củng cố quan điểm chung của nhiều nhà nghiên cứu, mà còn cung cấp sở cứ cho các nhà quản trị VNPT- Vinaphone bố trí nguồn lực phù hợp, tăng cường mức độ tham gia nhằm ứng dụng BSC thành công tại doanh nghiệp; cũng như góp phần định hướng cho các nhà quản trị doanh nghiệp nói chung triển khai ứng dụng thành công mô hình Thẻ điểm cân bằng.

Từ khóa: Thẻ điểm cân bằng; Phân tầng Thẻ điểm cân bằng; Liên kết chiến lược; Các yếu tố thành công; Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông VNPT Vinaphone

9. Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí đô thị: kinh nghiệm quốc tế và lựa chọn của người dân thành phố Hà Nội/ Nguyễn Công Thành, Nguyễn Diệu Hằng, Lê Thu Hoa// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 257 tháng 11/2018 .- Tr. 83 – 92

Tóm tắt: Ô nhiễm không khí đã và đang là mối quan ngại lớn đối với người dân Hà Nội. Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí được áp dụng tại các đô thị trên thế giới, nhóm nghiên cứu lựa chọn các giải pháp đạt hiệu quả giảm tải, cải thiện sức khỏe và lợi ích kinh tế để thiết kế khảo sát với 403 người dân Hà Nội, nhằm tìm hiểu giải pháp mà người dân mong muốn ưu tiên áp dụng. Mô hình Probit đa chiều được sử dụng để tìm hiểu về sự tương thích giữa lựa chọn giải pháp với đặc điểm của người dân. Kết quả mô hình cho thấy lựa chọn của người dân phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế của họ, như độ tuổi, khả năng chi trả, thời gian tham gia giao thông và cảm nhận về khả năng bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm không khí. Các lựa

chọn phát triển hệ thống cây xanh, nhiên liệu ít gây ô nhiễm, và hệ thống giao thông công cộng là những giải pháp có hiệu quả và được người dân Hà Nội ủng hộ.

Từ khóa: Ô nhiễm không khí; Mô hình Probit đa chiều; Hà Nội

Trung tâm Thông tin Thư viện